TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 3- 2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mười; Bà Hà Thị Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị C, sinh năm 1993

Nơi đăng ký NKTT: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: xóm P, xã P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Trần Duy Hưng, sinh năm 1989

Nơi đăng ký NKTT: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(*Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn Lương Thị C trình bày: Tôi kết hôn với anh Trần Duy H năm 2019 trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ ở Điềm Thụy, huyện Phú Bình để tiện hai vợ chồng đi làm Công ty. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi tôi sinh con, con được 01 tuổi thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ Tháng 11/2022 cho đến nay tôi đã bế con về nhà mẹ đẻ tại xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên để ở, còn anh H vẫn ở nhà trọ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung Trần Duy P sinh ngày 07/02/2020 hiện con đang ở với tôi và mẹ đẻ tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con vì con còn nhỏ, hiện tôi đang đi làm tại Công ty TNHH NPD ở Điềm Thụy, Phú Bình. Thu nhập hàng tháng 6.000.000 đồng, có hợp đồng lao động. Tôi sẽ cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động và sao kê lương hàng tháng để chứng minh thu nhập. Công việc của tôi làm từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, sáng tôi đi làm, chiều lại về nhà mẹ đẻ với con, tôi có thể đảm bảo nuôi con được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi đề nghị anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho tôi hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Tại các bản khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Trần Duy H trình bày: Tôi H xác định kết hôn với chị Lương Thị C năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng tôi đi thuê nhà trọ ở riêng ở Điềm Thụy, huyện Phú Bình do công việc của vợ chồng tôi đều đi làm ở đó. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên cũng có những cãi vã nhưng không đáng kể, đến khoảng tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm phương án giải quyết những bất đồng nhưng không được. Gia đình hai bên cũng đã can thiệp nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Cũng trong tháng 10 năm 2022 thì chị C bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, thành phố Thái Nguyên ở, còn tôi vẫn ở tại nhà trọ dưới Điềm Thụy, huyện Phú Bình. Tôi cũng đã vài lần lên nhà chị C mong muốn đón chị C và con về vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng chị C không đồng ý. Nay tôi cũng không có phương án nào hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nên chị C xin ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung Trần Duy P sinh ngày 07/02/2020 hiện con đang ở với chị C tại nhà mẹ đẻ của chị C. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con vì hiện nay tôi đang đi làm tại Công ty TNHH Korea Electric Terminal Viet Nam ở xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình. Thu nhập hằng tháng của tôi từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, thời gian đi làm từ sáng đến chiều tối, giờ hành chính thỉnh thoảng mới phải tăng ca, nếu tôi nuôi con thì sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con. Tôi là con trai duy nhất trong nhà, ở cùng bố mẹ đẻ tại nhà riêng nên đủ các điều kiện.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và cũng không vay nợ ai.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị C giao nộp gồm: 01 Căn cước công dân Lương Thị C (bản sao); 01 Căn cước công dân Trần Duy H (bản sao); 01 Giấy khai sinh Trần Duy P (bản sao); 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lương Thị C và Trần Duy H (bản chính); 01 Sổ hộ khẩu thường trú chủ hộ Trần

Duy Q (bản sao); 01 hợp đồng lao long mang tên Lương Thị C (bản sao); 03 Phiếu hạch toán lương mang tên Lương Thị C (bản chính), 01 Đơn xin xác nhận của trường mầm non xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh H giao nộp gồm: 01 Hợp đồng lao động mang tên Trần Duy H (bản sao); 05 phiếu lương mang tên Trần Duy H (photo).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143,147, 227, 228 BLTTDS. Điều 51,56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị C được ly hôn anh H.
- Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Duy P cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (cháu Trần Duy P 2.000.000đ/tháng/ 01 tháng..
- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Chị C chịu án phí ly hôn theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự tranh chấp về việc nuôi con chung nên không thỏa thuận được, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Duy H cư trú tại xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa cả nguyên đơn, bị đơn đều có mặt, Tòa án xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị C và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn phía chị C cho rằng do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến khoảng tháng 10 năm 2022 vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và từ tháng 11/2022 chị C đã bế con về nhà mẹ đẻ tại xã P, thành phố Thái Nguyên để ở, còn anh H vẫn ở nhà trọ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Phía anh H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên cũng có những cãi vã nhưng không đáng kể, đến khoảng tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm phương án giải quyết những bất đồng nhưng không được. Gia đình hai bên cũng đã can thiệp nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Cũng trong tháng 10 năm 2022 thì chị C bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, thành phố Thái Nguyên ở, còn anh vẫn ở tại nhà trọ dưới khu công nghiệp Điềm Thụy, huyện Phú Bình. Trong quá trình vợ chồng sống ly thân anh H cho rằng cũng đã vài lần lên nhà chị C nói chuyện mong muốn đón chị C và con về vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị C không đồng ý. Nay chị C làm đơn xin ly hôn, anh cũng không có phương án nào hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nên chị C xin ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị C và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, hơn nữa tại phiên tòa phía anh H cũng cho rằng quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng và không có tiếng nói chung, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị C là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị C, cho chị Lương Thị C được ly hôn anh Trần Duy H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa cả chị C và anh H cùng xác định vợ chồng có 01 con chung Trần Duy P sinh ngày 07/02/2020, hiện nay con chung đang ở cùng chị C tại gia đình bố mẹ đẻ chị C xã P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, cháu P đang học tại Trường Mầm non xã P, cách nhà hoảng 5 đến 6 km (theo chị C khai). Quá trình giải quyết phía chị C đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị C yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 3.000.000 đ/ 01 tháng, tại phiên tòa chị C xin thay đổi đề nghị và chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 5.000.000 đ/ 01 tháng, lý do chị xin thay đổi chị cho rằng hiện nay do anh H có thu nhập cao hơn chị nhiều lần, việc nuôi con chung cháu P phải chi phí nhiều tiền như: Tiền sữa, tiền học và các chị phí khác… Phía anh H có đề nghị xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh cho rằng hiện nay thu nhập của anh cao hơn chị C nhiều lần, công việc của anh ngày làm 8 tiếng, công việc hành chính, anh đủ điều

kiện để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung con chung, hơn nữa tại phiên tòa anh H cho rằng anh là con trai trong gia đình nhà có 04 chị em, các chị gái đã lấy chồng và ở riêng, anh ở cùng bố mẹ đẻ nên việc đưa đón con bố mẹ đẻ anh vẫn khỏe sẽ đảm bảo được các điều kiện, gia đình anh cách trường học của con chung 3 km nếu Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cả chị C và anh H hiện nay đang làm công nhân, thu nhập cả anh chị đều đã xuất trình cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ là bảng lương để xác định thu nhập của anh chị, phía anh H trình bày tại phiên tòa hiện nay gia đình anh có 04 chị em gái, các chị đã lấy chồng và ở riêng, còn mình anh ở cùng với bố mẹ đẻ, cả chị C cũng thừa nhận việc chỉ còn anh H là con trai, cả hai anh chị cùng ở với bố mẹ đẻ anh H. Xét các điều kiện thực tế thấy cả chị C và anh H đều đi làm công nhân tại khu công nghiệp Điềm Thụy, phía chị C cho rằng công việc của chị buổi sáng làm từ 8 giờ buổi chiều 17 giờ sau khi kết thúc công việc chị về nhà ở cùng với mẹ đẻ, tại phiên tòa chị cho rằng thỉnh thoảng chị cũng phải tăng ca, hơn nữa nếu 17 giờ chiều (theo chị khai) chị kết thúc công việc về chị cũng không đảm bảo được các điều kiện về việc đón con, chị vẫn phải nhờ đến mẹ đẻ (do chị trình bày do bố đẻ đã chết) đón con, xét các điều kiện thực tế về thu nhập, tính chất công việc (công việc hành chính), điều kiện về gia đình thì cần thiết giao con chung cho anh H được quyền trực tiếp nuôi con chung sẽ đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung. Do đó cần giao con chung cho anh H được quyên trực tiếp trông nom, cham sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị C có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết anh chị xác định không có, tại phiên tòa cả chị C và anh H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143 và Điều 147 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lương Thị C, cho chị C được ly hôn anh Trần Duy H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Duy P, sinh ngày 07/02/2020 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung

trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị C, anh H có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004101, ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho C và anh H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Đại Từ
- THADS huyện Đại Từ
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã T, huyện Đại Từ;
- Lưu VT, HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Hài